

Số: /QĐ-UBND

Hưng Yên, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc giao chỉ tiêu thực hiện bao phủ bảo hiểm y tế
trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế ngày 14/11/2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 13/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 27/11/2024;

Căn cứ Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân;

Căn cứ Chỉ thị số 52-CT/TW ngày 03/10/2025 của Ban Bí thư về việc thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân trong giai đoạn mới;

Căn cứ Nghị định số 188/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế;

Căn cứ Quyết định số 1468/QĐ-TTg ngày 31/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao chỉ tiêu thực hiện bao phủ bảo hiểm y tế giai đoạn 2026-2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 5887/TTr-SYT ngày 04/9/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao chỉ tiêu thực hiện bao phủ bảo hiểm y tế cho Ủy ban nhân dân các xã, phường trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026-2030 tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Y tế

a) Là đầu mối chủ trì, phối hợp với Bảo hiểm xã hội tỉnh, Sở Tài chính và các đơn vị liên quan hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc các xã, phường triển khai thực hiện chỉ tiêu bao phủ bảo hiểm y tế giai đoạn 2026-2030 được giao; hằng năm tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá việc thực hiện theo quy định;

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các sở, ngành có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, trình Hội đồng nhân dân tỉnh đưa chỉ tiêu bao phủ bảo hiểm y tế vào nghị quyết, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm và dài hạn của tỉnh;

c) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan rà soát, nghiên cứu, đề xuất hỗ trợ, nâng mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho các đối tượng chính sách, người có hoàn cảnh khó khăn, người yếu thế, nhân viên y tế thôn, nạn nhân theo

quy định của Luật Phòng, chống mua bán người; người khuyết tật, người cao tuổi theo quy định của pháp luật chưa được hưởng chính sách bảo hiểm y tế, bảo đảm duy trì bền vững và tăng tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế;

d) Chỉ đạo các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; chất lượng dịch vụ y tế; tinh thần, thái độ phục vụ người dân khi đến khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế.

2. Sở Tài chính

a) Phối hợp với Sở Y tế, Bảo hiểm xã hội tỉnh và các sở, ngành liên quan đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh các giải pháp, cơ chế, chính sách liên quan đến việc phát triển đối tượng tham gia, đóng bảo hiểm y tế và tổ chức triển khai thực hiện, bảo đảm ổn định để có kế hoạch cân đối ngân sách trung và dài hạn;

b) Bố trí đầy đủ, kịp thời ngân sách để đóng, hỗ trợ mức đóng bảo hiểm y tế theo quy định.

3. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Xây dựng kế hoạch, giải pháp thực hiện bảo hiểm y tế cho học sinh, sinh viên, phấn đấu hằng năm đạt 100% học sinh, sinh viên các cơ sở giáo dục, đào tạo trên địa bàn tỉnh tham gia bảo hiểm y tế, duy trì và bảo đảm mục tiêu đạt 100% đến năm 2030;

b) Chỉ đạo các cơ sở giáo dục trực thuộc phối hợp chặt chẽ với cơ quan bảo hiểm xã hội tăng cường tuyên truyền, vận động phụ huynh, học sinh, sinh viên tham gia bảo hiểm y tế.

4. Sở Nội vụ

a) Chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban nhân dân xã, phường và các cơ quan có liên quan xác định, lập danh sách kịp thời, đầy đủ các nhóm đối tượng thuộc phạm vi quản lý;

b) Phối hợp với Sở Y tế, Bảo hiểm xã hội tỉnh, các sở, ngành và địa phương đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, vận động đồng bào tôn giáo tham gia bảo hiểm y tế; lồng ghép mục tiêu bảo hiểm y tế toàn dân trong quá trình tổ chức thực hiện các chương trình, đề án, chính sách thuộc phạm vi quản lý nhà nước của ngành theo quy định của pháp luật.

5. Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan rà soát người được tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trên địa bàn tỉnh theo quy định của Luật Di sản văn hóa, đề xuất hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế, trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí đóng bảo hiểm y tế ngoài mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước theo quy định.

6. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành xây dựng cơ chế, chính sách ổn định trong giai đoạn 2026-2030 đối với người thuộc hộ gia đình cận nghèo, thoát nghèo, người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và

diêm nghiệp có mức sống trung bình được ngân sách nhà nước hỗ trợ mức đóng bảo hiểm y tế theo quy định của Chính phủ và của tỉnh;

b) Chỉ đạo việc xác định, lập danh sách kịp thời, đầy đủ các nhóm đối tượng thuộc phạm vi quản lý.

7. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh

a) Tổ chức thực hiện bảo hiểm y tế đối với các nhóm đối tượng thuộc diện quản lý, bảo đảm duy trì tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt 100% đối với các nhóm đối tượng này;

b) Chủ động rà soát, đề xuất hỗ trợ, nâng mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho người tham gia lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh, trình Hội đồng nhân dân tỉnh bố trí kinh phí đóng bảo hiểm y tế ngoài mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước theo quy định.

8. Bảo hiểm xã hội tỉnh

a) Triển khai các giải pháp hiệu quả để phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm y tế, hướng đến đạt mục tiêu bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân vào năm 2030;

b) Trên cơ sở hướng dẫn, chỉ đạo của Bộ Tài chính, Bảo hiểm xã hội Việt Nam xây dựng tài liệu và hướng dẫn các địa phương tính tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế bảo đảm mục tiêu đề ra;

c) Đổi mới hình thức, nội dung, nâng cao hiệu quả công tác truyền thông, phổ biến, giáo dục pháp luật về thực hiện bảo hiểm y tế trong giai đoạn mới để cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể, các cơ quan, tổ chức và người dân nắm rõ hơn về ý nghĩa, tính nhân văn, tầm quan trọng của bảo hiểm y tế và trách nhiệm chung tay của mỗi người dân trong việc tham gia bảo hiểm y tế, đẩy mạnh tham gia bảo hiểm y tế theo hộ gia đình;

d) Cải cách thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi nhất để người dân tham gia đóng bảo hiểm y tế, thực hiện các thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo hiểm y tế theo hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình;

đ) Tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước về bảo hiểm y tế; nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, bảo đảm vận hành ổn định Hệ thống thông tin giám định bảo hiểm y tế;

e) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật bảo hiểm y tế về đóng bảo hiểm y tế tại các cơ quan, đơn vị, tổ chức sử dụng lao động; xử lý, kiến nghị xử lý kịp thời các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật;

g) Định kỳ 06 tháng sơ kết, đánh giá và kịp thời thông tin, báo cáo các cấp, các ngành về kết quả triển khai thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân; định kỳ ngày 25 tháng 12 hằng năm gửi báo cáo kết quả triển khai thực hiện Quyết định này về Sở Y tế để tổng hợp, báo cáo theo quy định.

9. Thanh tra tỉnh

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện; xử lý vi phạm pháp luật về bảo hiểm y tế.

10. Ủy ban nhân dân xã, phường

a) Căn cứ chỉ tiêu tại Quyết định này, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp đưa chỉ tiêu bao phủ bảo hiểm y tế vào nghị quyết, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm và dài hạn của xã, phường; giao chỉ tiêu bao phủ bảo hiểm y tế đến từng thôn, tổ dân phố trên địa bàn quản lý; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về tổ chức thực hiện;

b) Chỉ đạo các phòng, ban, cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng kế hoạch, giải pháp triển khai thực hiện để đạt chỉ tiêu được giao; thường xuyên trao đổi, cung cấp thông tin về người lao động, tiền lương tại các doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn để rà soát, đối chiếu và xử lý tình trạng trốn đóng, chậm đóng bảo hiểm y tế;

c) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp và các tổ chức chính trị - xã hội đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về bảo hiểm y tế; vận động người dân tham gia bảo hiểm y tế;

d) Chỉ đạo các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế trên địa bàn theo phân cấp quản lý, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; chất lượng dịch vụ y tế; tinh thần, thái độ phục vụ người dân khi khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế;

đ) Rà soát người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố theo quy định của pháp luật, đề xuất hỗ trợ mức đóng bảo hiểm y tế thuộc phạm vi quản lý;

e) Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện; xử lý vi phạm pháp luật về bảo hiểm y tế trên địa bàn;

g) Định kỳ 6 tháng, hằng năm tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện chỉ tiêu bao phủ bảo hiểm y tế tại địa phương, báo cáo kết quả thực hiện Quyết định này về Sở Y tế, Bảo hiểm xã hội tỉnh để tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Phòng KGVX: Thanh;
- Lưu: VT, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Văn Nghiêm

PHỤ LỤC
Giao chỉ bao phủ bảo hiểm y tế cho các xã, phường
trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /9/2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Xã/phường	Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế				
		Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
Toàn tỉnh		96,00%	97,00%	98,00%	99,00%	100%
1	Phường Hồng Châu	96,40%	97,40%	98,20%	99,25%	100%
2	Phường Phố Hiến	96,50%	97,45%	98,35%	99,45%	100%
3	Phường Sơn Nam	96,30%	97,30%	98,30%	99,30%	100%
4	Xã Tân Hưng	96,00%	97,00%	98,00%	99,00%	100%
5	Xã Châu Ninh	96,10%	97,10%	98,10%	99,10%	100%
6	Xã Khoái Châu	96,25%	97,25%	98,25%	99,25%	100%
7	Xã Mỹ Sở	96,25%	97,25%	98,25%	99,25%	100%
8	Xã Nghĩa Trụ	96,25%	97,25%	98,25%	99,25%	100%
9	Xã Phụng Công	96,30%	97,30%	98,30%	99,30%	100%
10	Xã Triệu Việt Vương	96,00%	97,00%	98,00%	99,00%	100%
11	Xã Văn Giang	96,00%	97,00%	98,00%	99,00%	100%
12	Xã Yên Mỹ	96,00%	97,00%	98,00%	99,00%	100%
13	Xã Hoàn Long	96,00%	97,00%	98,00%	99,00%	100%
14	Xã Nguyễn Văn Linh	96,00%	97,00%	98,00%	99,00%	100%
15	Xã Việt Tiến	96,00%	97,00%	98,00%	99,00%	100%
16	Xã Việt Yên	96,00%	97,00%	98,00%	99,00%	100%
17	Phường Đường Hào	96,45%	97,45%	98,45%	99,45%	100%
18	Phường Mỹ Hào	96,60%	97,50%	98,45%	99,40%	100%

TT	Xã/phường	Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế				
		Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
19	Phường Thượng Hồng	96,30%	97,30%	98,20%	99,35%	100%
20	Xã Đại Đồng	96,00%	97,00%	98,00%	99,00%	100%
21	Xã Lạc Đạo	96,00%	97,00%	98,00%	99,00%	100%
22	Xã Như Quỳnh	96,10%	97,10%	98,10%	99,10%	100%
23	Xã Ân Thi	96,00%	97,00%	98,00%	99,00%	100%
24	Xã Đoàn Đào	95,60%	96,80%	97,85%	98,90%	100%
25	Xã Hồng Quang	96,26%	96,80%	97,80%	98,90%	100%
26	Xã Nguyễn Trãi	95,70%	96,75%	97,85%	98,85%	100%
27	Xã Phạm Ngũ Lão	95,60%	96,70%	97,85%	98,85%	100%
28	Xã Tiên Hoa	96,00%	97,00%	98,00%	99,00%	100%
29	Xã Xuân Trúc	95,80%	96,85%	97,90%	98,95%	100%
30	Xã Chí Minh	96,00%	97,00%	98,00%	99,00%	100%
31	Xã Đức Hợp	96,00%	97,00%	98,00%	99,00%	100%
32	Xã Hiệp Cường	96,00%	97,00%	98,00%	99,00%	100%
33	Xã Hoàng Hoa Thám	96,00%	97,00%	98,00%	99,00%	100%
34	Xã Lương Bằng	96,25%	97,25%	98,25%	99,25%	100%
35	Xã Nghĩa Dân	96,00%	97,00%	98,00%	99,00%	100%
36	Xã Tiên Lữ	96,00%	97,00%	98,00%	99,00%	100%
37	Xã Diên Hà	96,00%	97,00%	98,00%	99,00%	100%
38	Xã Hưng Hà	96,00%	97,00%	98,00%	99,00%	100%
39	Xã Long Hưng	96,00%	97,00%	98,00%	99,00%	100%
40	Xã Ngự Thiên	95,60%	96,70%	97,80%	98,90%	100%

TT	Xã/phường	Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế				
		Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
41	Xã Quang Hưng	96,00%	97,00%	98,00%	99,00%	100%
42	Xã Tiên La	95,50%	96,70%	97,80%	98,90%	100%
43	Xã Tiên Tiến	96,00%	97,00%	98,00%	99,00%	100%
44	Xã Tổng Trân	96,00%	97,00%	98,00%	99,00%	100%
45	Xã Thần Khê	96,00%	97,00%	98,00%	99,00%	100%
46	Xã A Sào	96,00%	97,00%	98,00%	99,00%	100%
47	Xã Đồng Bằng	96,00%	97,00%	98,00%	99,00%	100%
48	Xã Minh Thọ	96,00%	97,00%	98,00%	99,00%	100%
49	Xã Ngọc Lâm	96,00%	97,00%	98,00%	99,00%	100%
50	Xã Nguyễn Du	96,00%	97,00%	98,00%	99,00%	100%
51	Xã Phụ Dực	96,00%	97,00%	98,00%	99,00%	100%
52	Xã Quỳnh An	96,00%	97,00%	98,00%	99,00%	100%
53	Xã Quỳnh Phụ	96,00%	97,00%	98,00%	99,00%	100%
54	Xã Tân Tiến	96,00%	97,00%	98,00%	99,00%	100%
55	Xã Hồng Minh	96,00%	97,00%	98,00%	99,00%	100%
56	Xã Bắc Đông Hưng	96,00%	97,00%	98,00%	99,00%	100%
57	Xã Bắc Đông Quan	96,00%	97,00%	98,00%	99,00%	100%
58	Xã Bắc Tiên Hưng	96,00%	97,00%	98,00%	99,00%	100%
59	Xã Đông Hưng	96,00%	97,00%	98,00%	99,00%	100%
60	Xã Đông Quan	96,00%	97,00%	98,00%	99,00%	100%
61	Xã Đông Tiên Hưng	96,00%	97,00%	98,00%	99,00%	100%
62	Xã Lê Quý Đôn	96,00%	97,00%	98,00%	99,00%	100%

TT	Xã/phường	Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế				
		Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
63	Xã Nam Đông Hưng	96,00%	97,00%	98,00%	99,00%	100%
64	Xã Nam Tiên Hưng	96,00%	97,00%	98,00%	99,00%	100%
65	Xã Tiên Hưng	96,00%	97,00%	98,00%	99,00%	100%
66	Xã Nam Thái Ninh	96,00%	97,00%	98,00%	99,00%	100%
67	Xã Tây Thái Ninh	96,00%	97,00%	98,00%	99,00%	100%
68	Xã Bắc Thái Ninh	96,00%	97,00%	98,00%	99,00%	100%
69	Xã Bắc Thụy Anh	96,00%	97,00%	98,00%	99,00%	100%
70	Xã Đông Thái Ninh	96,00%	97,00%	98,00%	99,00%	100%
71	Xã Đông Thụy Anh	96,00%	97,00%	98,00%	99,00%	100%
72	Xã Nam Thụy Anh	96,00%	97,00%	98,00%	99,00%	100%
73	Xã Tây Thụy Anh	96,00%	97,00%	98,00%	99,00%	100%
74	Xã Thái Ninh	96,00%	97,00%	98,00%	99,00%	100%
75	Xã Thái Thụy	96,00%	97,00%	98,00%	99,00%	100%
76	Xã Thụy Anh	96,00%	97,00%	98,00%	99,00%	100%
77	Xã Tiền Hải	96,00%	97,00%	98,00%	99,00%	100%
78	Xã Ái Quốc	96,00%	97,00%	98,00%	99,00%	100%
79	Xã Bình Định	96,00%	97,00%	98,00%	99,00%	100%
80	Xã Đồng Châu	96,00%	97,00%	98,00%	99,00%	100%
81	Xã Đông Tiền Hải	96,00%	97,00%	98,00%	99,00%	100%
82	Xã Hưng Phú	96,00%	97,00%	98,00%	99,00%	100%
83	Xã Nam Cường	96,00%	97,00%	98,00%	99,00%	100%
84	Xã Nam Tiền Hải	96,00%	97,00%	98,00%	99,00%	100%

TT	Xã/phường	Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế				
		Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
85	Xã Tây Tiền Hải	96,00%	97,00%	98,00%	99,00%	100%
86	Xã Vũ Tiên	96,00%	97,00%	98,00%	99,00%	100%
87	Xã Bình Nguyên	96,00%	97,00%	98,00%	99,00%	100%
88	Xã Bình Thanh	96,00%	97,00%	98,00%	99,00%	100%
89	Xã Hồng Vũ	96,00%	97,00%	98,00%	99,00%	100%
90	Xã Kiến Xương	96,00%	97,00%	98,00%	99,00%	100%
91	Xã Lê Lợi	96,00%	97,00%	98,00%	99,00%	100%
92	Xã Quang Lịch	96,00%	97,00%	98,00%	99,00%	100%
93	Xã Thư Vũ	96,00%	97,00%	98,00%	99,00%	100%
94	Xã Trà Giang	96,00%	97,00%	98,00%	99,00%	100%
95	Xã Vũ Quý	96,00%	97,00%	98,00%	99,00%	100%
96	Phường Thái Bình	96,30%	97,25%	98,25%	99,25%	100%
97	Phường Trà Lý	96,20%	97,30%	98,20%	99,20%	100%
98	Phường Trần Hưng Đạo	96,25%	97,30%	98,25%	99,25%	100%
99	Phường Trần Lãm	96,25%	97,25%	98,25%	99,25%	100%
100	Phường Vũ Phúc	96,20%	97,20%	98,20%	99,20%	100%
101	Xã Tân Thuận	96,00%	97,00%	98,00%	99,00%	100%
102	Xã Thư Trì	96,00%	97,00%	98,00%	99,00%	100%
103	Xã Vạn Xuân	96,00%	97,00%	98,00%	99,00%	100%
104	Xã Vũ Thư	96,00%	97,00%	98,00%	99,00%	100%